

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH : NÂNG CẤP PHÁT TRIỂN TRẠM VÀ LƯỚI
HẠ THỂ CÔNG CỘNG KHU VỰC PHƯỜNG
XUÂN HÒA, CẦU ÔNG LÃNH, TÂN ĐỊNH,
BẾN THÀNH, SÀI GÒN, NHIÊU LỘC NĂM
2026

NGUỒN VỐN : ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG : PHƯỜNG XUÂN HÒA, CẦU ÔNG LÃNH, TÂN
ĐỊNH, BẾN THÀNH, SÀI GÒN, NHIÊU LỘC

THUỘC KHU VỰC QL : CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÀI GÒN

NGƯỜI LẬP DỰ ÁN : NGUYỄN DUY PHONG

CHỦ TRÌ LẬP DỰ ÁN : LÃNG MINH TỬ

GIAM ĐỐC

Hoàng Đình Ấn

HCMPC\TUANTM(Trần Minh Tuấn) 08/10/2025 11:06

NĂM 2025

1. Các căn cứ lập phương án:

- Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-HĐTV ngày 28/11/2022 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành quy định về công tác kế hoạch áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM;

- Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-HĐQT ngày 18/4/2022 của Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam về việc Ban hành Suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV;

- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM Về việc ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

- Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 07/01/2025 của Tổng Công ty Điện lực Tp.HCM về việc ban hành Quy định hướng dẫn phân cấp các dự án đầu tư xây dựng, trang bị tài sản cố định, ứng dụng công nghệ thông tin trong Tổng Công ty Điện lực TP.HCM;

- Căn cứ phụ tải thực tế tại thời điểm hiện tại và dự đoán nhu cầu phát triển phụ tải trong những năm tới.

- Căn cứ kết quả khảo sát thực tế của Công ty Điện Lực Sài Gòn.

2. Sự cần thiết phải đầu tư:

Lưới điện do Công ty Điện lực Sài Gòn quản lý cấp điện cho các khu vực trung tâm của Thành phố Hồ Chí Minh, nơi tập trung các cơ quan trọng yếu của thành phố và trung ương. Hiện nay, cả hai quận đang được quy hoạch cải tạo theo các phân khu chức năng cụ thể để phát triển đô thị và kinh tế, bao gồm:

- Trung tâm hành chính ngoại giao: tập trung vào khu vực đường Lê Thánh Tôn đến đường Điện Biên Phủ mà trục xương sống là đại lộ Lê Duẩn.

- Trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch, giao dịch quốc tế: tập trung từ khu vực đường Lê Thánh Tôn đến sông Sài Gòn, Bến Chương Dương, Nguyễn Thị Nghĩa. Các trục đường chính là đại lộ Nguyễn Huệ, Tôn Đức Thắng, Hàm Nghi, Đồng Khởi.

- Cụm thương mại - dịch vụ xung quanh chợ Bến Thành, bao gồm chợ Bến Thành, dãy phía bắc chợ Bến Thành gồm các trục đường Lê Thánh Tôn, Phan Châu Trinh và một đoạn đường Lê Lợi

- Cụm thương mại - dịch vụ xung quanh chợ Tân Định: đầu tư xây dựng chợ Tân Định thành trung tâm thương mại - dịch vụ và siêu thị.

- Cụm thương mại - dịch vụ, kim khí điện máy, tạp phẩm và công nghiệp chế biến, gồm các tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng, Tôn Thất Đạm, Hồ Tùng Mậu, Pasteur, Tôn Thất Thiệp.

- Cụm thương mại kinh doanh vật tư Calmette - Bến Chương Dương: xây dựng khu vực này thành các điểm vừa làm kho, vừa trưng bày bán lẻ, tổ chức liên kết, liên doanh cả trong, ngoài nước, hình thành khu vực kinh doanh vật tư xây dựng và trang trí nội thất cao cấp.

- Cụm thương mại dịch vụ chợ Dân Sinh: qui hoạch xây dựng lại thành trung tâm thương mại - dịch vụ kinh doanh phụ tùng nông, ngư cơ tạp phẩm, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, phụ tùng thay thế, dụng cụ điện và khai thác các dịch vụ khách sạn cho thuê.

Hiện nay, một số trạm biến điện trên địa bàn vẫn còn sử dụng các loại trạm treo, trạm giàn và thanh cái hở, không đảm bảo an toàn và hiệu quả vận hành. Điều này tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho người dân, đồng thời không đáp ứng được nhu cầu điện năng ngày càng tăng của khu vực. Thêm vào đó, một số trạm đã có xu hướng đầy và quá tải do sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động kinh tế, thương mại và dịch vụ tại các khu vực trung tâm này. Ngoài ra, vẫn còn một số trạm chưa được liên kết mạch vòng, làm giảm độ tin cậy cung cấp điện.

Vì vậy, để đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu cung cấp điện ổn định cho khu vực, đồng thời dự phòng cho sự phát triển trong tương lai, việc cải tạo các trạm treo, trạm giàn, trạm thanh cái hở là rất cần thiết.

Bên cạnh đó, việc kéo cáp ngầm trung và hạ thế để liên kết mạch vòng giúp nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, giảm thiểu tình trạng quá tải cho các trạm hiện tại và đảm bảo đáp ứng đủ công suất cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

3. Hiện trạng lưới điện:

Địa bàn do Công ty Điện lực Sài Gòn quản lý được cung cấp điện từ các trạm trung gian 110kV (Bến Thành, Xa Lộ, Hòa Hưng, Đa Kao, Tao Đàn, Chợ Quán, Thị Nghè, Trường Đua, Hùng Vương, Tân Bình 3, Tân Sơn Nhất, Bà Queo), thông qua 137 phát tuyến trung thế. Hiện nay, Công ty Điện lực Sài Gòn đã thực hiện ngầm hóa gần hoàn tất lưới điện trung thế, tạo sự ổn định và an toàn trong việc cung cấp điện cho người dân và các hoạt động kinh tế. Lưới điện hạ thế tại các tuyến đường chính đã được ngầm hóa hoàn toàn, giúp cải thiện mỹ quan đô thị và giảm thiểu rủi ro liên quan đến các sự cố điện. Tuy nhiên, vẫn còn một số khu vực hẻm dân cư vẫn đang sử dụng lưới điện nổi, chưa được ngầm hóa hoàn toàn.

Qua quá trình rà soát, hệ thống lưới điện trên địa bàn Công ty Điện lực Sài Gòn vẫn còn một số tồn tại cần được khắc phục để đảm bảo sự an toàn, ổn định và đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực. Cụ thể:

- Một số trạm biến điện hiện nay vẫn sử dụng các loại trạm treo, trạm giàn và thanh cái hở, không đảm bảo an toàn cho người dân và hệ thống điện. Cần phải cải tạo các trạm này để đảm bảo an toàn và mỹ quan lưới điện.

- Tại một số vị trí trong lưới điện, hiện tại chỉ có một nguồn cung cấp điện, điều này làm tăng nguy cơ gián đoạn nguồn cung cấp điện khi có sự cố xảy ra. Cần phải xây dựng các mạch vòng và kết nối các trạm điện để đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định và giảm thiểu rủi ro mất điện.

- Một số trạm biến áp đầy tải không thể đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện đang gia tăng. Cần thực hiện các biện pháp cải tạo, tăng cường công suất cho các trạm này để chia tải và đáp ứng nhu cầu điện của khu vực trong tương lai.

- Một số trạm dưới tầng hầm còn sử dụng máy biến thế không đảm bảo an toàn PCCC..

Chi tiết các vị trí cần cải tạo như sau:

- Các vị trí phụ tải quan trọng còn cấp điện hình tia:

+ Nhánh rẽ Cao Ốc 20 VVãn Kiệt.

+ Nhánh rẽ trạm Thế Giới Mới.

- Trạm dưới tầng hầm cần thay MBT khô: trạm AVALON SAIGON

- Các trạm treo – trạm giàn cần cải tạo để đảm bảo an toàn, trạm đầy tải cần chia tải:

STT	Tên trạm	CS hiện hữu	Hiệu máy	Năm SX	Tải hiện hữu	% tải	Loại trạm	Phạm vi cấp điện
1	TLS QUAN DUC	150	TBD4	2016	0	0	Treo	Phường Xuân Hòa Q3
2	CO BAC 5	400	TBD4	2013	500	87	Thân trụ thép	Phường Cầu Ông Lãnh
3	AUTOVELO 2	560	EMC	2014	700	87	Thân trụ thép	Phường Cầu Ông Lãnh
4	PHUOC THANH	150	TBD4	2016	170	79	Treo	Phường Cầu Ông Lãnh
5	HOAN CAU DIA OC	560	TBD4	2016	542	67	Thân trụ thép	Phường Cầu Ông Lãnh
6	DIEN HONG 3	560	TBD4	2016	537	67	Thân trụ thép	Phường Cầu Ông Lãnh
7	HOI THANH TIN LANH	225	EMC	2006	300	93	Treo	Phường Cầu Ông Lãnh
8	TU VAN XAY DUNG	225	EMC	2000	274	85	Treo	Phường Tân Định
9	BQLCT KHU CHE XUAT	300	TBD4	2016	174	40	Treo	Phường Tân Định
10	TAN DINH 4	300	TBD4	2016	350	81	Treo	Phường Tân Định
11	CANH SAT 3	300	EMC	2003	150	35	Treo	Phường Bến Thành

STT	Tên trạm	CS hiện hữu	Hiệu máy	Năm SX	Tải hiện hữu	% tải	Loại trạm	Phạm vi cấp điện
12	NONG PHAM 2	560	SANAKY	2020	280	35	Giàn	Phường Tân Định
13	TAN DINH 5	630	SANAKY	2020	460	51	Giàn	Phường Tân Định
14	CU TRINH 2	300	TBD4	2000	350	81	Treo	Phường Bến Thành
15	CUC CANH VE	560	TBD4	2015	700	87	Giàn	Phường Bến Thành
16	DINH CHIEU 104	400	TBD4	2018	500	87	Thân trụ thép	Phường Tân Định
17	VAN THU 166	630	TBD4	2017	600	66	Thân trụ thép	Phường Tân Định
18	PHU DONG	630	EMC	2004	800	88	Thân trụ thép	Phường Bến Thành
19	HAM NGHI C	630	HANAKA	2013	700	77	Phòng	Phường Cầu Ông Lãnh
20	HUNG DAO 2	560	Q-Star	2013	706	88	Thân trụ thép	Phường Sài Gòn
21	CX HAI QUAN	630	TBD4	2004	805	89	Thân trụ thép	Phường Sài Gòn
22	MANH TRINH 2	630	TBD4	2017	610	67	Thân trụ thép	Phường Sài Gòn
23	QUANG DIEU 84	300	TBD4	2016	380	88	Treo	Phường Nhiêu Lộc
24	QUANG DIEU 144	300	TBD4	2016	362	84	Treo	Phường Nhiêu Lộc
25	DINH CHIEU 245	300	TBD4	2016	335	78	Treo	Phường Xuân Hòa
26	KIEN THIET 2	560	SANAKY	2020	680	84	02 trụ ghép	Phường Xuân Hòa

4. Quy mô, đặc điểm của dự án:

a. Giải pháp kỹ thuật đề xuất:

- Cải tạo các trạm treo, trạm giàn thành trạm thân trụ thép nhằm đảm bảo an toàn và mỹ quan lưới điện.
- Thay các trạm còn sử dụng thanh cái hở bằng tủ RMU.
- Kéo cáp ngầm trung, hạ thế để liên kết lưới phục vụ công tác chuyên tải đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định và giảm thiểu rủi ro mất điện.
- Tăng cường công suất, xây dựng mới các trạm để chia tải các khu vực đầy tải.

- **Về mặt lưới hạ thế:** Do lưới hạ thế các trạm hiện nay đều đã sử dụng cáp ngầm hạ thế, mỗi trạm đều sử dụng 04 sợi đơn tuyến đảm bảo khả năng mang tải nên sẽ giữ nguyên hiện trạng sau khi cải tạo. Ngoài ra sau khi cải tạo sẽ tiến hành phân chia lại điểm dừng lưới hạ thế để đảm bảo bán kính cung cấp điện ổn định về mặt điện thế (bán kính cung cấp điện tối đa từ 250-300 m).

- **Về thiết bị bảo vệ hạ thế:** sử dụng 01 MCCB tổng công suất phù hợp công suất máy biến thế và 04 MCCB 250 A.

Giải pháp chi tiết:

- Cải tạo trạm:

STT	Tên trạm	CS hiện hữu (kVA)	Tải hiện hữu (A)	% tải hiện hữu	Mục đích	Giải pháp kỹ thuật	CS sau cải tạo (kVA)	Tải sau cải tạo (A)s	% tải sau cải tạo
1	TLS QUAN DUC	150	0	0	Khai thác tải trạm TLS Quán Đức	- Di dời, TCCS trạm TLS Quán Đức từ 3*50 kVA lên 560kVA	560	400	50
2	CO BAC 5	400	500	87	Giảm tải	- Lắp bổ sung 01 ngăn T RMU trạm Cô Bắc 1 cấp cho trạm TLS Quán Đức sau cải tạo (tận dụng ngăn T dự phòng). - Kéo mới 2 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+120 mm2 dài 2*125 mét từ trạm XDM đến 2 tủ LK CB4-AUT2-01, tủ CB4-AUT2-02 chia tải trạm Cô Bắc 4 - Autovelo 2;	400	300	52
3	AUTOVELO 2	560	700	87	Giảm tải	- Kéo mới 2 sợi cáp ngầm - 3*240 mm2 từ trạm XDM đến 2 tủ LK CB1-TH45, tủ CB6-XL2A dài 2*25 mét chia tải trạm Cô Bắc 5 - Autovelo 2.	560	500	62
4	PHUOC THANH	150	170	79	Đảm bảo an toàn và đáp ứng nhu cầu phụ tải	Cải tạo trạm treo thành trạm thân trụ thép, kéo mới 1 sợi cáp ngầm 3*240+1*120 m2 từ trạm XDM đến tủ LK Diên Hồng 3- HCĐO trước số 172 Nguyễn Công Trứ	400	280	49
5	HOAN CAU DIA OC	560	542	67	Chia tải		560	400	50
6	DIEN HONG 3	560	537	67	Chia tải		560	400	50
7	HOI THANH TIN LANH	225	300	93	Giảm tải, đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm treo thành trạm thân trụ thép	250	300	83

STT	Tên trạm	CS hiện hữu (kVA)	Tải hiện hữu (A)	% tải hiện hữu	Mục đích	Giải pháp kỹ thuật	CS sau cải tạo (kVA)	Tải sau cải tạo (A)s	% tải sau cải tạo
8	TU VAN XAY DUNG	225	274	85	Giảm tải, đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm treo thành trạm thân trụ thép	250	274	76
9	BQLCT KHU CHE XUAT	300	174	40	Đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm treo thành trạm thân trụ thép	250	174	48
10	TAN DINH 4	300	350	81	Giảm tải, đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm treo thành trạm 02 trụ ghép + tăng cường công suất MBA lên 560kVA	560	350	43
11	CANH SAT 3	300	150	35	Giảm tải, đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm treo thành trạm 02 trụ ghép + tăng cường công suất	400	150	26
12	NONG PHAM 2	560	280	35	Đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm giàn thành trạm thân trụ thép tích hợp tủ RMU 2L+1T	560	280	35
13	TAN DINH 5	630	460	51	Đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm giàn thành trạm thân trụ thép tích hợp tủ RMU 2L+1T	630	460	51
14	CU TRINH 2	300	350	81	Giảm tải, đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm treo thành trạm 02 trụ ghép + tăng cường công suất	400	350	61
15	UHQT 1/3	0			Khai thác tải	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo mới 04 sợi cáp ngầm HT 3*240+1*120 mm² từ trạm XDM đặt chung phòng trạm UHQT 1/1 hiện hữu ra trụ HT trước số 212B/D92A Nguyễn Trãi chia tải trạm Cục Cảnh Vệ; - XDM trạm thân trụ thép bên hông số 62 MDC chèn vào giữa đoạn RMU 62 Mạc Đình Chi - Việt Mỹ; - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm HT 3*240+120 mm² dài 20m từ trạm đến tủ Văn Thủ 166-B1; - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm HT 3*240+120 mm² dài 20m từ trạm đến tủ LK Việt Mỹ-ĐC 104; - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm HT 3*240+120 mm² dài 60m từ trạm đến tủ LK Văn Thủ 166- 	400	250	43
16	CUC CANH VE	560	700	87	Giảm tải		560	450	56
17	TU DUC 6	0			Khai thác tải		560	350	43
18	DINH CHIEU 104	400	500	87	Giảm tải		400	350	61
19	VAN THU 166	630	600	66	Chia tải		630	400	44

STT	Tên trạm	CS hiện hữu (kVA)	Tải hiện hữu (A)	% tải hiện hữu	Mục đích	Giải pháp kỹ thuật	CS sau cải tạo (kVA)	Tải sau cải tạo (A)s	% tải sau cải tạo
						ĐC 104.			
20	PHU DONG 4	0			Khai thác tải	XDM tại số 7 Nguyễn Trãi Q1 chia tải trạm Phù Đổng (thay RMU 36 Nguyễn Thị Nghĩa 3L+1T OD thành 3L+2T OD gồm 1T cho trạm XDM nhằm tránh tình trạng không có ngăn T cùng chủng loại để ghép, tủ cũ thu hồi sẽ sử dụng lại để thay thanh cái hồ cho trạm Vận Tải)	560	300	37
21	PHU DONG	630	800	88	Giảm tải	Kéo mới 04 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 từ trạm vào hầm số 7 Nguyễn Trãi	630	500	55
22	HAM NGHI 181	0			Khai thác tải	XDM trạm Hàm Nghi 181, kết cấu trạm thân trụ thép chia tải trạm Hàm Nghi C (181 Hàm Nghi Q1)	400	200	35
23	HAM NGHI C	630	700	77	Giảm tải	- Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 từ trạm đến tủ LK Hàm Nghi- Công Kiểu 1 (179 HN) dài 5m - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 từ trạm đến tủ LK Hàm Nghi- Công Kiểu 1 (80 PDC) dài 35m	630	500	55
24	HUNG DAO 2	560	706	88	Giảm tải	- XDM trạm Mạnh Trinh 3 kết cấu thân trụ thép bên hông số 20 Lê Thánh Tôn chia tải trạm Hưng Đạo 2, CX Hải Quân, Mạnh Trinh 2 - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế	560	506	63

STT	Tên trạm	CS hiện hữu (kVA)	Tải hiện hữu (A)	% tải hiện hữu	Mục đích	Giải pháp kỹ thuật	CS sau cải tạo (kVA)	Tải sau cải tạo (A)s	% tải sau cải tạo
25	CX HAI QUAN	630	805	89	Giảm tải	3*240+1*120 mm2 dài 20 mét từ trạm, làm 1 hộp nối chuyển 1 lộ ra trạm Hưng Đạo 2 đi tủ HĐ2-A2 hiện hữu vào trạm XDM - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế	630	605	67
26	MANH TRINH 2	630	610	67	Chia tải	3*240+1*120 mm2 dài 140 mét từ trạm XDM đến trạm CX Hải Quân, làm 1 hộp nối chuyển 1 lộ ra trạm CX Hải Quân đi tủ CXHQ-A1 vào trạm XDM;	630	510	56
27	MANH TRINH 3	0	0	0	Trạm XDM chia tải cho các trạm đầy tải các trạm Hưng Đạo 2, CX Hải Quân, Mạnh Trinh 2	- Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 dài 140 mét từ trạm XDM đến trạm CX Hải Quân, làm 1 hộp nối chuyển 1 lộ ra trạm CX Hải Quân đi tủ CXHQ-A2 vào trạm XDM; - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 dài 15 mét từ trạm XDM đến tủ TT-BT2 (trước số 2A1 Chu Mạnh Trinh).	560	500	62
28	QUANG DIEU 84	300	380	88	Giảm tải, đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm treo thành trạm 02 trụ ghép + tăng cường công suất	560	380	47
29	QUANG DIEU 144	300	362	84	Giảm tải, đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm treo thành trạm 02 trụ ghép + tăng cường công suất	560	362	45
30	DINH CHIEU 245	300	335	78	Giảm tải, đảm bảo an toàn, mỹ quan	Cải tạo trạm treo thành trạm 02 trụ ghép + tăng cường công suất	560	335	42
31	KIEN THIET 2	560	680	84	Chia tải cho trạm Kiến Thiết 2	XDM trạm Văn Tần 200B	560	400	50
32	VAN TAN 200B	0	0	0			560	280	35

- Các vị trí cần kéo cáp ngầm trung thế liên kết mạch vòng lưới điện:

+ Nhánh rẽ Cao Ốc 20 VVãn Kiệt: Kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế 3*240mm² từ RMU Đ/d 13 Phó Đức Chính đến trạm Cao Ốc 20 VVKiệt tạo mạch vòng (rút 01 sợi cáp từ RMU 194 Nguyễn Công Trứ đến hạ xuống làm hộp nối để đi thẳng từ RMU 194 Nguyễn Công Trứ đến trạm Cao Ốc 20 Võ Văn Kiệt).

+ Nhánh rẽ trạm Thế Giới Mới: gồm 4 trạm đang vận hành hình tia. Kéo mới cáp ngầm trung thế liên kết mạch vòng từ trạm Thế Giới Mới đến RMU trạm Phương Hoàng (thay RMU 2L+1T ID trạm Thế Giới Mới bằng tủ RMU 3L+1T ID).

+ Trạm Oscar: Kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế 3*50 mm² khoảng 15 mét từ trạm Oscar đến trạm KS Century liên kết mạch vòng để chuyển tải cho các trạm Oscar và Vietcomreal đang vận hành hình tia.

- Các nội dung khác trong phương án:

- Thay thanh cái hở các trạm C/C 10A TND thành tủ RMU 2L+1T ID, trạm Nguyễn Tiếng thành tủ RMU 2L+2T ID, trạm Cao Thắng 1A-1B thành tủ RMU 2L+1T ID, trạm Vận Tải thành tủ RMU 3L+1T ID.

- Thay máy biến thế khô trạm AVALON SAIGON dưới tầng hầm: thay máy dầu 750 kVA bằng máy khô 400 kVA.

- Kéo cáp ngầm hạ thế liên kết lưới các trạm sau:

+ Trạm Hoàn Cầu Bảo Hiểm: trạm chuyên dùng 250 kVA – I_{max} = 72A. Thực hiện kéo mới cáp ngầm hạ thế liên kết lưới để chia tải cho trạm Hàm Nghi 2 giải quyết tình trạng non tải.

+ Trạm ĐaKao: đoạn cáp từ tủ phân phối hạ thế ĐaKao-04 đến tủ phân phối hạ thế ĐaKao-03 sử dụng cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm² đang bị sự cố gây ảnh hưởng đến việc chuyển tải khi cần. Do đó, thực hiện thay mới đoạn cáp này để phục vụ công tác chuyển tải, nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

+ Trạm Lễ Hội 23/9 (560kVA): chỉ cấp cho phụ tải khi có sự kiện vào dịp Tết tại khu vực Công viên 23/9, khu vực này không thường xuyên diễn ra các sự kiện. Hiện tại, phụ tải tối đa sử dụng cho lễ hội chỉ khoảng 150 A. Do đó, đề xuất thực hiện kéo mới 02 lộ ra cáp ngầm hạ thế liên kết lưới để cấp điện cho lưới điện công cộng, đồng thời cải tạo bảng điện hạ thế, lắp MCCB riêng cho 2 lộ cáp ngầm hạ thế kéo mới.

+ Trạm Vũ Chí Kiên (560kVA): kéo 2 sợi cáp ngầm hạ thế đến trước số 17/20 Lê Thánh Tôn chia tải Quân Trang 5 (630kVA, đang vận hành 96% tải).

- Kéo mới thêm 04 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 băng đường Đông Du, Quận 1 để tăng cường cho trạm Lập Thành đang sử dụng cáp 3*95+1*48 mm² bị quá tải cáp.

b. Quy mô, khối lượng đầu tư:

- Cải tạo 04 trạm giàn thành thân trụ thép thường.

- Di dời 01 trạm treo, cải tạo thành thân trụ thép thường.
- Cải tạo 02 trạm giàn thành thân trụ thép tích hợp RMU (2L+1T).
- Cải tạo 06 trạm treo thành trạm 02 trụ ghép.
- Thay thanh cái hở bằng RMU 04 trạm.
- Lắp mới 01 trạm 400 kVA (đặt chung phòng trạm công cộng UHQT 1/1 hiện hữu).
- XDM 05 trạm thân trụ thép (RMU 2L+1T)
- Kéo mới 575 mét cáp ngầm 24 kV 3*50 mm².
- Kéo mới 180 mét cáp ngầm 24 kV 3*240 mm².
- Kéo mới 2005 mét cáp ngầm hạ thế 3*240 mm²+1*120 mm² (lõi nhôm).
- Thay mới 01 RMU 3L+2T OD.
- Thay mới 01 RMU 3L+1T ID.
- Lắp mới 01 ngăn T (tận dụng ngăn T dự phòng có sẵn).
- Thay 01 máy biến thế khô 400 kVA
- Nhu cầu máy biến thế sử dụng cho công trình:
 - + Máy biến thế trang bị mới:

. Máy 250 kVA – 22/0,4 kV:	03 máy
. Máy 400 kVA – 22/0,4 kV:	04 máy
. Máy 400 kVA – 22/0,4 kV (máy khô:	01 máy
. Máy 560 kVA – 22/0,4 kV:	09 máy
 - + Máy biến thế thu hồi:

. Máy 50 kVA – 8,6-12,7/0,22-0,44 kV:	06 máy
. Máy 75 kVA – 8,6-12,7/0,22-0,44 kV:	06 máy
. Máy 100 kVA – 8,6-12,7/0,22-0,44 kV:	21 máy
. Máy 750 kVA – 22/0,4 kV:	01 máy
 - + Máy biến thế sử dụng lại cho công trình:

. Máy 560 kVA – 22/0,4 kV:	01 máy
. Máy 630 kVA – 22/0,4 kV:	01 máy
 - + Máy biến thế thu hồi trả Tổng công ty:

. Máy 50 kVA – 8,6-12,7/0,22-0,44 kV:	06 máy
. Máy 75 kVA – 8,6-12,7/0,22-0,44 kV:	06 máy
. Máy 100 kVA – 8,6-12,7/0,22-0,44 kV:	21 máy
. Máy 750 kVA – 22/0,4 kV:	01 máy

c. Khái toán vốn đầu tư công trình: Tổng giá trị khái toán đầu tư công trình là **19.747.108.881** đồng (Bằng chữ: Mười chín tỉ bảy trăm bốn mươi bảy triệu một trăm lẻ tám ngàn tám trăm tám mươi một đồng chẵn)

Chi tiết theo bảng dự toán đính kèm.

Khối lượng đào đường:

STT	Tên trạm	Nội dung	Mương cáp							
			Tên đường	Lý trình		Chiều dài mương cáp vỉa hè (m)	Trong hẻm	Chiều dài mương cáp lòng đường (m)	Ghi chú	
				Từ	Đến					
1	Di dời trạm TLS QUAN DUC - 3*50 kVA đến góc Nguyễn Thái Học - Cô Bắc đổi tên thành Cô Bắc 8 chia tại trạm Cô Bắc 5 - Autovelo 2	- Kéo mới 2 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+120 mm ² dài 2*125 mét từ trạm đến 2 tủ LK CB4-AUT2-01, tủ CB4-AUT2-02, - Kéo mới 2 sợi cáp ngầm 24kV - 3*240 mm ² từ trạm đến 2 tủ LK CB1-TH45, tủ CB6-XL2A dài 2*25 mét	Cô Bắc	Số 23	Băng đường			15	Không cắm	
			Cô Bắc	Đ/d số 23		88	120			Không cắm
			Cô Bắc	Băng đường	Trước số 88				12	Không cắm
			Đề Thám	Băng đường	Ngã 4 Đề Thám - Cô bắc				20	Không cắm
2	UHQT 1/3	Kéo mới 04 sợi cáp ngầm HT 3*240+1*120 mm ² từ trạm ra trụ HT trước số 212B/D92A Nguyễn Trãi		212B/D14Bis (trạm UHQT 1/1)	212B/D92A		Hẻm 212B Nguyễn Trãi	120	Không cắm	
3	TU DUC 6	- Kéo mới 1 sợi cáp ngầm HT 3*240+120 mm ² dài 20m từ trạm đến tủ Văn Thủ 166-B1 - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm HT 3*240+120 mm ² dài 20m từ trạm đến tủ LK Việt	Nguyễn Văn Thủ	Bên hông 62 Mạc Đĩnh Chi	Ngã 4 Mạc Đĩnh Chi - Nguyễn Văn Thủ		15		Không cắm	
			Nguyễn Văn Thủ	62 Mạc Đĩnh Chi	46 Mạc Đĩnh Chi				15	Không cắm

STT	Tên trạm	Nội dung	Mương cáp						
			Tên đường	Lý trình		Chiều dài mương cáp vỉa hè (m)	Trong hẻm	Chiều dài mương cáp lòng đường (m)	Ghi chú
				Từ	Đến				
		Mỹ-ĐC 104 - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm HT 3*240+120 mm2 dài 60m từ trạm đến tủ LK Văn Thủ 166-ĐC 104	Mạc Đình Chi	60 Mạc Đình Chi	46 Mạc Đình Chi	30			Không cắm
4	PHU DONG 4	Kéo mới 04 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 từ trạm vào hẻm số 7 Nguyễn Trãi	Nguyễn Trãi	Đầu hẻm số 7	7/1C		Hẻm số 7	40	Không cắm
			Nguyễn Trãi	36 Nguyễn Thị Nghĩa	số 7	35			Không cắm
5	HAM NGHI 181	- Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 từ trạm đến tủ LK Hàm Nghi- Công Kiểu 1 (179 HN) dài 5m - Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 từ trạm đến tủ LK Hàm Nghi- Công Kiểu 1 (80 PĐC) dài 35m	Hàm Nghi	179	181	5			Không cắm
			Phó Đức Chính	80	181 Hàm Nghi	35			Không cắm
6	Tạo mạch vòng nhánh rẽ Cao Ốc 20 VVãn Kiệt	Kéo mới 01 sợi cáp ngầm trung thế 3*240mm2 từ RMU Đ/d 13 Phó Đức Chính đến trạm Cao Ốc 20 VVKiệt tạo mạch vòng	Phó Đức Chính	50	Góc Võ Văn Kiệt	30			Không cắm
			Võ Văn Kiệt	20	Góc Phó Đức Chính	35			Không cắm
			Hẻm 20 Võ Văn Kiệt	Đầu hẻm	Cuối nhà 20		35		Không cắm
7	THE GIOI MOI	Kéo mới 1 sợi cáp ngầm 24 kV 3*240 mm2 từ	Nguyễn Thị Nghĩa	36	Băng đường			60	Không cắm

STT	Tên trạm	Nội dung	Mương cáp						
			Tên đường	Lý trình		Chiều dài mương cáp vỉa hè (m)	Trong hẻm	Chiều dài mương cáp lòng đường (m)	Ghi chú
				Từ	Đến				
		RMU 36 Nguyễn Thị Nghĩa đến trạm Thế Giới Mới	Phạm Hồng Thái	Góc Phạm Hồng Thái - Lý Tự Trọng	Băng đường			30	Không cắm
			Phạm Hồng Thái	82	Hẻm 46	100			Không cắm
			Hẻm 46 Phạm Hồng Thái				35		Không cắm
8	HOAN CAU BAO HIEM	- Kéo mới 01 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 dài 70 mét từ trạm đến tủ LK HN2-CT90 trước số 108 Nguyễn Công Trứ chia tải trạm Hàm Nghi 2	Nguyễn Công Trứ	97	Băng đường			15	Không cắm
			Nguyễn Công Trứ	96	106	25			Không cắm
9	LAP THANH	Thay 04 sợi cáp ngầm hạ thế từ trạm ra lưới (đoạn băng đường Đông Du đang sử dụng cáp 3*95+1*48 mm2 bị quá tải cáp	Đông Du	80	Băng đường			30	Không cắm
10	DA KAO	Thay cáp ngầm HT sự cố đoạn từ tủ Đa Kao-04 đến tủ Đa Kao-03 dài 50 mét	Nguyễn Huy Tự	12B		28	50		Không cắm
11	LE HOI 23/9	- Kéo mới 01 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 dài 60 mét từ trạm đến tủ	Phạm Ngũ Lão				35		Phía bên CV 23/9

STT	Tên trạm	Nội dung	Mương cáp						
			Tên đường	Lý trình		Chiều dài mương cáp vỉa hè (m)	Trong hẻm	Chiều dài mương cáp lòng đường (m)	Ghi chú
				Từ	Đến				
		TH2-B2 (121 Yersin) chia tải trạm Thái Học 2 - Kéo mới 01 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 dài 60 mét từ trạm đến tủ LK Thái Học 2 (số 2 THĐ) chia tải trạm Thái Học	Phạm Ngũ Lão	121 Yersin	Băng đường			25	Không cắm
			Phạm Ngũ Lão	144 Yersin	2 Trần Hưng Đạo	80			Không cắm
12	VU CHI KIEN	kéo 2 sợi cáp ngầm hạ thế đến trước số 17/20 Lê Thánh Tôn chia tải Quân Trang 5	Lê Thánh Tôn	12 Thái Văn Lung	Băng đường			15	Không cắm
			Lê Thánh Tôn	17/13	17/15	15			Không cắm
			Thái Văn Lung	8A/1D1	Góc Thái Văn Lung - Lê Thánh Tôn	30			Không cắm
			Hẻm 8A/1D1 Thái Văn Lung				20		Không cắm
13	MANH TRINH 3	- Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 dài 20 mét từ trạm, làm 1 hộp nối chuyển 1 lộ ra trạm Hưng Đạo 2 đi tủ HĐ2-A2 hiện hữu vào trạm XDM	Chu Mạnh Trinh	Bên hông 20 Lê Thánh Tôn	Bên hông 20 Lê Thánh Tôn	15			Không cắm

STT	Tên trạm	Nội dung	Mương cáp						
			Tên đường	Lý trình		Chiều dài mương cáp vỉa hè (m)	Trong hẻm	Chiều dài mương cáp lòng đường (m)	Ghi chú
				Từ	Đến				
14		- Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 dài 140 mét từ trạm XDM đến trạm CX Hải Quân, làm 1 hộp nối chuyên 1 lộ ra trạm CX Hải Quân đi từ CXHQ-A1 vào trạm XDM	Lê Thánh Ton		Băng đường			15	Không cắm
15		- Kéo mới 1 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 dài 140 mét từ trạm XDM đến trạm CX Hải Quân, làm 1 hộp nối chuyên 1 lộ ra trạm CX Hải Quân đi từ CXHQ-A2 vào trạm XDM	Lê Thánh Ton	15A7	15B1	85			Không cắm

5. Kế hoạch bảo vệ môi trường:

5.1 NGUYÊN, NHIÊN LIỆU, HÓA CHẤT SỬ DỤNG VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ:

- Nhiên liệu cho hoạt động: dầu DO chạy máy phát.
- Hóa chất sử dụng cho hoạt động: Không sử dụng.
- Sản phẩm của dự án: Hoạt động truyền tải, phân phối điện năng phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh cho người dân.

5.2 LOẠI, KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI PHÁT SINH CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ:

Trong quá trình thi công xây dựng:

- Loại và khối lượng nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:
 - + Nước thải sinh hoạt: Không có
 - + Nước thải xây dựng: Không có
 - + Nước mưa chảy tràn: Không có
- Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:

- + Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho giai đoạn thi công xây dựng.
- Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: đất cát và gạch đá phế liệu trong quá trình đào thi công mương cáp đặt ống.
- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án: Không có.
- Loại và khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: Không có.

Trong quá trình hoạt động:

- Loại và khối lượng nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:
 - + Nước thải sinh hoạt: Không có
 - + Nước thải rỉ rác: Không có.
- Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: Không có
- Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: Không có.
- Loại và khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: Các loại chất thải nguy hại có thể phát sinh như: Không có.

5.3 PHƯƠNG ÁN THU GOM, QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ:

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):
 - + Nước thải từ quá trình rửa xe: Không có.
 - + Nước thải sinh hoạt: Không có.
 - + Nước mưa chảy tràn: Không có.
- Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): đất cát và gạch đá phế liệu trong công tác đào tái lập mương cáp sẽ được vận chuyển bằng xe tải đến khu vực xả thải được cấp thẩm quyền cho phép trong thời gian thi công (từ 22h00 đến 5h sáng hôm sau).

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị

- Xe vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, bùn, đất, chất thải sinh hoạt, thùng xe phủ bạt kín đảm bảo không chảy, rơi vãi vật tư, vật liệu, phế thải khi vận chuyển, phải sử dụng xe chuyên dùng để vận chuyển.
- Bố trí các biển báo hiệu công trường cho người qua lại đề phòng.

b. Biện pháp giảm thiểu bụi do hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu

- Khu vực công trường xây dựng có kế hoạch thi công và kế hoạch cung cấp vật tư thích hợp. Hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa.
- Xung quanh công trường, khu tập kết vật liệu, khu vực đóng cọc được che chắn tạm.
- Khi bốc dỡ nguyên vật liệu, công nhân được trang bị BHLĐ để hạn chế bụi.
- Ban quản lý bố trí thời gian vận chuyển vật liệu, thiết bị và tiếp nhận VLXD thích hợp theo quy định của TP.HCM, không hoạt động vào giờ cao điểm.

c. Biện pháp giảm thiểu bụi do quá trình đào tái lập và thi công xây dựng

Những biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí sau đây được đề nghị:

- Che chắn toàn bộ công trình xây dựng, thi công đến đâu tiến hành che chắn đến đó bằng vải bạt, lưới.
- Sử dụng hệ lưới bằng sợi HDPE bao quanh toàn bộ công trình, giúp che chắn bụi phát sinh trong quá trình thi công.

d. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ phương tiện thi công

Để giảm thiểu tác động của khí thải từ các phương tiện thi công chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Nhiên liệu sử dụng cho các máy móc thiết bị phải phù hợp với động cơ thiết kế.
- Các máy móc phương tiện phải thường xuyên được kiểm tra, bôi trơn dầu mỡ.
- Điều phối xe tải và các máy móc thi công hợp lý, không hoạt động tập trung, và đồng thời để hạn chế thải ra môi trường lượng khí thải quá lớn trong cùng một thời điểm và cùng 01 vị trí.
- Các phương tiện sử dụng trong thi công xây dựng phải đạt tiêu chuẩn của Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải.

e. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ quá trình thi công.

Để hạn chế các tác động xấu có thể xảy ra trong quá trình thi công các biện pháp sẽ được áp dụng như sau:

- Bố trí các biển báo hiệu công trường cho người qua lại đề phòng.
- Thùng xe vận chuyển có đậy kín, thùng xe có đủ cả 4 bên và giữ sạch sẽ
- Cần có bạt che phủ khi gặp trời gió mạnh hoặc trời mưa.
- Thực hiện bằng máy chuyên dụng.
- Khu vực đùn, chứa nhựa đường phải có mái che.
- Kiểm tra đảm bảo nhựa không rò rỉ chảy tràn ra môi trường.
- Trang bị BHLĐ cho công nhân: mũ, khẩu trang, găng tay, ủng....
- Toàn bộ khu vực trạm trộn chế tạo hỗn hợp bê tông nhựa phải đảm bảo vệ sinh môi trường, thoát nước tốt, mặt bằng sạch sẽ để giữ cho vật liệu được sạch và khô ráo.
- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): bố trí 4 thùng

rác 120L đưa về khu tập kết dự kiến được đặt tại cổng ra vào dự án với diện tích khoảng 10m², tần suất thu gom là 1 lần/ngày.

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): không có
- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn xây dựng phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư):
 - + Các loại chất thải rắn phát sinh được chứa trong kho chứa tạm thời, khu vực có mái che và gờ bao xung quanh, có diện tích 8m², tần suất thu gom 01 tuần/lần.
 - + Phương án xử lý đất đào: Đất đào từ quá trình thi công mương cáp sẽ được đưa lên các xe tải và chở ra khỏi khuôn viên dự án.
- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Không có.

Trong giai đoạn hoạt động của dự án:

- Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Không có.
- Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Không có.
- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Không có.
- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Không có.
- Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh (trường hợp đăng ký môi trường cho dự án đầu tư): Không có.

CAM KẾT:

Cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong Kế hoạch bảo vệ môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường, kê cả các tài liệu đính kèm.

6. Hiệu quả đầu tư:

- Nâng cao độ tin cậy lưới điện theo đề án “Hiện đại hoá lưới điện và công tác quản lý kỹ thuật” đạt các mục tiêu SAIDI và SAIFI năm 2025: SAIFI thấp hơn 0,21 lần và SAIDI thấp hơn 14,43 phút.
- Lắp đặt thiết bị mới, hiện đại để đảm bảo an toàn, độ tin cậy và mỹ quan lưới điện trên địa bàn.

- Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đảm bảo thuận lợi trong quá trình vận hành. Từng bước hiện đại hóa hệ thống lưới điện.
- Đáp ứng được yêu cầu và nhu cầu phát triển của phụ tải hiện tại cũng như trong tương lai của khách hàng, nâng cao đời sống của nhân dân và phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

7. Tiến độ thực hiện:

- Quý III/2025 : hoàn tất thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình
- Quý IV/2025 : hoàn tất các bước chuẩn bị mua sắm vật tư thiết bị
- Quý I/2026 : bắt đầu thi công công trình
- Quý III/2026 : hoàn tất nghiệm thu công trình

Quận 3, ngày tháng năm 2025

KHAI TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Dự án: NÂNG CẤP PHÁT TRIỂN TRẠM VÀ LƯỚI HẠ THỂ CÔNG CỘNG KHU VỰC PHƯỜNG XUÂN HÒA, CẦU ÔNG LÃNH, TÂN ĐỊNH, BẾN THÀNH, SÀI GÒN, NHIỀU LỘC NĂM 2026

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Suất vốn đầu tư						Thành tiền				Ghi chú
				Mã hiệu SVĐT	Quyết định SVĐT	Xây dựng	Thiết bị	Khác	Tổng chi phí	Xây dựng	Thiết bị	Khác	Tổng chi phí	
I Phần lưới trung thế ngầm													2.267.311.100	
1	CN22 - 3x50mm ² , 1 mạch, 100% hào cáp dưới đường Asphalt, ống HDPE F100	km	0,575	C022.050.1.O.A	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	1.485.040.000	704.580.000	328.440.000	2.518.060.000	853.898.000	405.133.500	188.853.000	1.447.884.500	(*)
2	CN22 - 3x240mm ² , 1 mạch, 100% hào cáp dưới đường Asphalt, ống HDPE F150	km	0,18	C022.240.1.O.A	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	1.626.620.000	2.331.960.000	593.790.000	4.552.370.000	292.791.600	419.752.800	106.882.200	819.426.600	(*)
II Phần thiết bị đóng cắt trung thế													3.173.026.038	
1	RMU 3L+2T OD	Tủ	1		Theo QĐ số 5999/QĐ-EVNHCMC ngày 30/12/2022	27.341.664	544.775.160	72.517.888	644.634.712	27.341.664	544.775.160	72.517.888	644.634.712	
2	RMU 2L+1T ID	Tủ	2		Theo QĐ số 5999/QĐ-EVNHCMC ngày 30/12/2022	20.047.773	286.230.160	39.016.935	345.294.868	40.095.545	572.460.320	78.033.870	690.589.735	
3	RMU 3L+1T ID	Tủ	2		Theo QĐ số 5999/QĐ-EVNHCMC ngày 30/12/2022	23.839.859	383.928.964	51.837.791	459.606.614	47.679.718	767.857.928	103.675.582	919.213.228	
4	Ngăn T	Tủ	1		Theo QĐ số 5999/QĐ-EVNHCMC ngày 30/12/2022	3.746.846	101.690.000	13.313.401	118.750.247	3.746.846	101.690.000	13.313.401	118.750.247	Tham khảo giá SĐT Tủ (2L+2T) và (2L+1T) do SĐT ko có Ngăn T
5	Máy biến thế khô 400 kVA	Máy	1		50/QĐ-HĐTV 18/04/2022		335.793.000						335.793.000	Tham khảo đơn giá trên mạng
6	RMU 2L+2T ID	Tủ	1		5999/QĐ-EVNHCMC ngày 30/12/2022	23.794.619	387.920.160	52.330.336	464.045.115	23.794.619	387.920.160	52.330.336	464.045.115	(*)
III Phần trạm biến áp						2.768.275.014	10.407.749.791	2.073.075.223	15.249.100.029	1.884.122.000	7.922.961.000	1.471.180.000	10.640.709.083	
1	Suất đầu tư trạm biến thế 400 kVA (22)/0,4 kV/trạm phòng	Trạm	1	T022.Tx.0630.3.1.3.1 Tham khảo trạm 630KVA	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	117.120.000	453.160.000	85.560.000	655.840.000	117.120.000	453.160.000	85.560.000	655.840.000	Tham khảo trạm 630KVA do SĐT ko có máy 400kVA
2	Suất đầu tư trạm biến thế 250 kVA (22)/0,4 kV/trạm 1 cột thép	Trạm	3	T022.Tr.0250.3.1.0.1	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	96.225.000	251.300.000	52.125.000	399.650.000	288.675.000	753.900.000	156.375.000	1.198.950.000	
3	Suất đầu tư trạm biến thế 400 kVA (22)/0,4 kV/trạm 02 trụ ghép	Trạm	2	T022.TI.0400.3.1.0.1	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	95.160.000	365.160.000	69.040.000	529.360.000	190.320.000	730.320.000	138.080.000	1.058.720.000	
4	Suất đầu tư trạm biến thế 560 kVA (22)/0,4 kV/trạm 1 cột thép (2L+1T)	Trạm	3	T022.Tr.0630.3.1.3.1 (Tham khảo mã máy 630 KVA)	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	103.992.000	574.952.000	101.864.000	780.808.000	311.976.000	1.724.856.000	305.592.000	2.342.424.000	
5	Suất đầu tư trạm biến thế 560 kVA (22)/0,4 kV/trạm 1 cột thép	Trạm	2	T022.Tr.0630.3.1.0.1 (Tham khảo mã máy 630 KVA)	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	103.264.000	380.352.000	72.520.000	556.136.000	206.528.000	760.704.000	145.040.000	1.112.272.000	

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Suất vốn đầu tư						Thành tiền				Ghi chú
				Mã hiệu SVĐT	Quyết định SVĐT	Xây dựng	Thiết bị	Khác	Tổng chi phí	Xây dựng	Thiết bị	Khác	Tổng chi phí	
6	Suất đầu tư trạm biến thế 560 kVA (22)/0,4 kV/trạm 1 cột thép (SDL MBT cũ) (2L+1T)	Trạm	1	T022.Tr.0630.3.1.2.1 (Tham khảo mã máy 630 KVA)	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	103.992.000	574.952.000	101.864.000	780.808.000	103.992.000	574.952.000	101.864.000	466.864.083	SDL MBT cũ
7	Suất đầu tư trạm biến thế 560 kVA (22)/0,4 kV/trạm 02 trụ ghép	Trạm	1	T022.TI.0560.3.1.0.1	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	112.840.000	433.272.000	81.928.000	628.040.000	112.840.000	433.272.000	81.928.000	628.040.000	
2	Suất đầu tư trạm biến thế 560 kVA (22)/0,4 kV/trạm 02 trụ ghép	Trạm	3	T022.TI.0400.3.1.0.1	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	112.840.000	433.272.000	81.928.000	628.040.000	338.520.000	1.299.816.000	245.784.000	1.884.120.000	
8	Suất đầu tư trạm biến thế 630 kVA (22)/0,4 kV/trạm 1 cột thép (SDL MBT cũ) (2L+1T)	Trạm	1	T022.Tr.0630.3.1.2.1	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	116.991.000	646.821.000	114.597.000	878.409.000	116.991.000	646.821.000	114.597.000	554.799.000	SDL MBT cũ
9	Suất đầu tư trạm biến áp phân phối tích hợp tủ RMU (2L+1T) công suất 400kVA - 22/0,4kV	Trạm	1	T022.Tr.0400.3.1.3.1	50/QĐ-HĐTV 18/04/2022	97.160.000	545.160.000	96.360.000	738.680.000	97.160.000	545.160.000	96.360.000	738.680.000	(*)
IV	Phần lưới hạ thế ngầm												1.016.017.746	
1	Cáp ngầm hạ thế 3*240+1*120 mm2 (nhôm)	km	2,005	Theo QĐ 3586	Theo QĐ 3586/QĐ-EVNHCMC	416.883.611		89.858.407	506.742.018	835.851.639	-	180.166.106	1.016.017.746	(*)
	Tổng khái toán (chưa VAT)												17.097.063.966	
	Thuế VAT (10%)												1.709.706.397	
	Tổng khái toán												18.806.770.363	
	Chi phí dự phòng 5%												940.338.518	
	Tổng khái toán												19.747.108.881	

**BẢNG KÊ VTTB CÔNG TRÌNH "NÂNG CẤP PHÁT TRIỂN TRẠM VÀ LƯỚI HẠ THẾ CÔNG CỘNG KHU VỰC
PHƯỜNG XUÂN HÒA, CẦU ÔNG LÃNH, TÂN ĐỊNH, BẾN THÀNH, SÀI GÒN, NHIÊU LỘC NĂM 2026"**

STT	Hiện trạng								Kết cấu													TBTT				Lưới trung th			Ghi chú					
	ID trạm	Tên trạm	Kết cấu	Công suất	Hiệu MBA	Năm VH	Tải VH max	% I _{dm}	Số lộ ra HT	Cải tạo						Máy biến thế							RMU 2L+2T ID	RMU 2L+1T ID	RMU 3L+1T ID	RMU 3L+2T OD	Ngăn T	Cáp ngầm 24 kV - 3*50 mm2		Cáp ngầm 24 kV - 3*240 mm2	Cáp ngầm hạ thế 3*A240+1*120 mm2			
										XDM 01 MB 400kV trong trạm phòng	Trạm 02 trụ ghép 400 KVA	Trạm 02 trụ ghép 560 KVA	Trạm thân trụ thép SDL MBT cũ	Trạm thân trụ thép 560 KVA	Trạm thân trụ thép 400 KVA	Trạm thân trụ thép 250 KVA	Lắp mới			Thu hồi												Sử dụng lại		
1	001249	Di dời trạm TLS QUAN DUC - 3*50 kVA đến góc Nguyễn Thái Học - Cô Bắc đổi tên thành Cô Bắc 8 chia tải trạm Cô Bắc 5 - Autovelo 2	Treo	150																														Lắp bổ sung 1 ngăn T RMU trạm Cô Bắc 1 cấp cho trạm di dời, TCCS từ 3*50 kVA lên 560 kVA Kéo mới 2 sợi cáp ngầm hạ thế 3*240+120 mm2 dài 2*125 mét từ trạm đến 2 tủ LK CB4-AUT2-01, tủ CB4-AUT2-02 chia tải trạm Cô Bắc 4 - Autovelo 2 Kéo mới 2 sợi cáp ngầm 24kV - 3*240 mm2 từ trạm đến 2 tủ LK CB1-TH45, tủ CB6-XL2A dài 2*25 mét chia tải trạm Cô Bắc 5 - Autovelo 2
4	001001	PHUOC THANH	Treo	150			170	80						1																			30	Cải tạo treo thành trạm thân trụ thép, kéo mới 1 sợi cáp ngầm 3*240+1*120 m2 từ trạm XDM đến tủ LK Diên Hồng 3- HCĐO trước số 172 Nguyễn Công Trứ
5	000602	HOI THANH TIN LANH	Treo	225			300	93						1	1	3																		Cải tạo trạm treo thành trạm thân trụ thép
6	001351	TU VAN XAY DUNG	Treo	225			274	84						1	1	3																		Cải tạo trạm treo thành trạm thân trụ thép
7	000094	BQLCT KHU CHE XUAT	Treo	300			174	40						1	1								3											Cải tạo trạm treo thành trạm thân trụ thép
8	001125	TAN DINH 4	Treo	300			350	81			1					1								3										Cải tạo trạm treo thành trạm 02 trụ ghép
9	083094	CANH SAT 3	Treo	300			150	35			1				1									3										Cải tạo trạm treo thành trạm 02 trụ ghép (SDL máy dự phòng)
10	000939	NONG PHAM 2	Giàn	560			280	35				1						1						1	1									Cải tạo trạm giàn thành trạm thân trụ thép
11	001126	TAN DINH 5	Giàn	630			460	50				1						1						1		1								Cải tạo trạm giàn thành trạm thân trụ thép
12	000337	CU TRINH 2	Treo	300			350	81	4		1																							Cải tạo trạm treo thành trạm 02 trụ ghép (SDL máy dự phòng)
13		UHQT 1/3	Phòng							1																								Kéo mới 04 sợi cáp ngầm HT 3*240+1*120 mm2 từ trạm XDM ra trụ HT trước số 212B/D92A Nguyễn Trãi chia tải trạm Cục Cảnh Vệ

